

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21-02-2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Thống.

Ông Nguyễn Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 190/2021/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Hồng L, sinh năm 1993 (có mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp TLA, xã ĐM, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 30/11/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Hồng L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đ kết hôn năm 2013, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn đúng quy định. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiền nói chung, thường xuyên xảy ra cự cãi, mâu thuẫn ngày càng thêm trầm trọng, gia đình chị có hàn gắn nhưng không hàn gắn tình cảm được và sống ly thân hơn 01 năm nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không mang lại hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Anh K, sinh ngày 08/02/2014 hiện do chị đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn nguyện vọng con ở với ai thì giao cho người đó nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra yêu cầu.

Tài sản chung, công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 27/12/2021 bị đơn anh Phạm Văn Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu thì anh và chị L đi đến hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống ly thân hơn 01 năm nay nhưng nguyên nhân là do chị L muốn ly thân và ly hôn với anh, anh không biết nguyên nhân vì sao chị L xin ly hôn với anh. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung như chị L trình bày là đúng. Nếu Tòa án cho ly hôn thì đồng ý với yêu cầu chị L đặt ra.

Tài sản chung, công nợ anh xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mới vào ngày 29/8/2013 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Về mâu thuẫn thì chị L xác định phát sinh từ năm 2020, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cự cãi, xô xát nhau, mâu thuẫn ngày càng thêm trầm trọng, gia đình có hàn gắn nhưng không thành và ly thân hơn 01 năm nay. Anh Đ xác định vợ chồng ly thân hơn 01 năm, nguyên nhân do chị L muốn ly hôn với anh.

Như vậy, anh chị xác định quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn và hiện không còn sống chung với nhau thời gian hơn 01 năm nay là thực tế đã xảy ra, được các bên đương sự thừa nhận. Khi bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, anh Đ sống và làm việc tại huyện Năm Căn, nhưng khi mâu thuẫn phát sinh nhiều dẫn đến ly thân thì anh Đ lại đi đến tỉnh Bạc Liêu làm ăn, vợ chồng không còn chung sống với nhau, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 là không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị L. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và chung sống với nhau. Chị L và anh Đ hiện không còn chung sống với nhau, cả hai đều không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Từ căn cứ trên, xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị L và anh Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là đúng quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Phạm Anh K, sinh ngày 08/02/2014. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Qua làm việc nguyện vọng con chung ngày 27/12/2021 thì cháu K có nguyện vọng được sống cùng với chị L. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “...nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Căn cứ vào nguyện vọng con chung của anh chị và điều kiện nuôi dưỡng con chung của chị L, Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu và quan hệ tình cảm của cháu đối với chị L, giao cháu K cho chị L nuôi dưỡng là đảm bảo trong thời gian tới cho cháu có cuộc sống ổn định, được phát triển tốt về thể chất và tinh thần là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung và nợ chung anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56, Điều 81; khoản 1, 2 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L. Cho chị Phạm Hồng L được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Anh K, sinh ngày 08/02/2014 cho chị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi chấm dứt việc nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình chị L phải chịu 300.000 đồng, chị L đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0015327 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn nay được chuyển thu, chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ; đương sự vắng mặt thì được quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng
đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- UBND xã Đất Mũi (Nơi ĐKKH);
- Dương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên